TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/DS-PT
Ngày: 22-01-2018
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và tranh chấp yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hồng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Mừng

Bà Vũ Thị Nguyệt

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Anh Thi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 162/2017/TLPT-DS ngày 16 tháng 11 năm 2017 Về việc tranh chấp quyền sử dụng đất và tranh chấp yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2017/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 326/2017/QĐ-PT ngày 25 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn***:** Bà Lê Thị H;nơi cư trú tại Xóm A, Thôn B, xã LA, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn*: Vợ chồng ông Nguyễn Quốc T, bà Trương Thị D**;** cùng cư trú tại Thôn C, xã LB, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*.

1**. Ủy ban nhân dân huyện BL, tỉnh Lâm Đồng.**

Người đại diện cho Ủy ban nhân dân huyện BL, tỉnh Lâm Đồng: Ông Nguyễn Trung T; nơi cư trú đường NTT, thị trấn LT, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng; chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, theo văn bản ủy quyền Số 1154a/GUQ ngày 08 tháng 8 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bảo Lâm.

2. Vợ chồng ông Lường Viết T1, bà Lưu Thị T2; cùng cư trú tại Thôn C, xã LB, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng.

(các đương sự có mặt tại phiên tòa, riêng Ủy ban nhân dân huyện BL có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 12 năm 2015, đơn khởi kiện bổ sung ngày 26 tháng 9 năm 2016 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

Vào ngày 05/5/2011 bà có mua 01 lô đất diện tích khoảng 5 sào của ông Dương Văn B (hiện nay đã chết). Khi mua bán hai bên có lập giấy tay, có xác nhận của Trưởng thôn và UBND xã LB, huyện BL. Trước khi bà nhận chuyển nhượng diện tích đất trên, thì vào ngày 24/4/2004 ông B có ủy quyền cho vợ chồng ông T1, bà T2 làm nhà và vườn. Trên thực tế bà mua đất của vợ chồng ông T1, bà T2 nhưng đã thống nhất làm giấy mua bán tay trực tiếp từ ông B sang cho bà. Sau khi lập giấy tờ mua bán đất, ông B tiến hành bàn giao đất, có mốc giới cụ thể rõ ràng, bà canh tác sử dụng ổn định từ đó đến nay không có ai tranh chấp.

Đến ngày 10/10/2015 bà được biết vợ chồng ông T, bà D đã tự ý kê khai diện tích đất 1.286m^2 thuộc thửa đất số 18, tờ bản đồ số 14, xã LB, huyện BL thuộc diện tích đất bà đang canh tác sử dụng, hiện nay vợ chồng ông T, bà D đã được UBND huyện BL cấp Giấy chứng nhận QSD đất đối với diện tích đất nói trên. Bà có làm đơn khiếu nại nhưng không được UBND huyện BL giải quyết. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 015335 do UBND huyện BL cấp ngày 10/9/2014 mang tên Nguyễn Quốc T, Trương Thị D vợ chồng ông T, bà D, buộc vợ chồng ông T, bà D phải trả lại cho bà toàn bộ diện tích đất đã lấn chiếm là 1.286m^2 thuộc thửa đất số 18, tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại Thôn C, xã LB, huyện BL.

Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Quốc T, bà Trương Thị D trình bày:

Vào năm 2004 vợ chồng ông, bà có mua 01 lô đất của ông Nguyễn Văn H (quê quán ở QN nhưng hiện nay không biết ông H đang cư trú ở đâu) diện tích khoảng 05ha, hai bên có lập giấy tờ mua bán tay. Sau khi mua, vợ chồng ông bà nhận đất và canh tác sử dụng ổn định từ đó đến nay. Năm 2014 vợ chồng ông bà

tiến hành làm thủ tục đăng ký kê khai và được UBND huyện BL cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 015335 ngày 10/9/2014 với diện tích đất 1.286m^2 thuộc thửa đất số 18, tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại Thôn C, xã LB, huyện BL. Do vậy, bà H khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên và buộc vợ chồng ông bà phải trả lại cho bà H toàn bộ diện tích đất 1.286m^2 thuộc thửa đất số 18, tờ bản đồ số 14, vợ chồng ông, bà không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện BL, đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Trung T trình bày:

Trình tự thủ tục, nội dung cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với thửa 18 tờ bản đồ số 14, xã LB, huyện BL cho ông Nguyễn Quốc T, bà Trương Thị D là không đủ cơ sở trả lời. Lý do hồ sơ gốc cấp giấy chứng nhận QSD đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện BL cung cấp không đầy đủ. UBND huyện BL đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Lường Viết T1 và bà Lưu Thị T2 trình bày:

Vào năm 2003 vợ chồng ông bà sang nhượng diện tích đất trên của ông Dương Văn B và canh tác từ đó đến năm 2011 không tranh chấp với ai, sau đó chuyển nhượng lại cho bà H có sự chứng kiến của bà con xung quanh. Từ năm 2011 bà H đã sử dụng bình thường, không có sự tranh chấp với ai. Đến năm 2015 bà H mới biết miếng đất trên đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất cho vợ chồng ông T, bà D. Vì vậy, vợ chồng ông, bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết và làm rõ để trả lại đất cho bà H.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2017/DS-ST ngày 11/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm đã xử:

1- Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H đối với vợ chồng ông Nguyễn Quốc T, bà Trương Thị D và Ủy ban nhân dân huyện Bộ luật hình sự Về việc tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Quyết định về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Quốc T, bà Trương Thị D phải thanh toán cho bà Lê Thị H giá trị tài sản trên đất là 52.093.600đ (*Năm mươi hai triệu, không trăm chín mươi ba ngàn, sáu trăm đồng*).

Vợ chồng ông Nguyễn Quốc T, bà Trương Thị D được toàn quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ tài sản trên diện tích đất nói trên gồm nhà tạm, ao.

2- Về án phí:

Bà Lê Thị H phải chịu 200.000đ tiền án phí đối với yêu cầu hủy Quyết định về việc cấp giấy chứng nhận QSD đất và 1.607.500đ tiền án phí trên giá trị tài

sản tranh chấp. Tổng cộng bà Lê Thị H phải nộp 1.807.500đ (*Một triệu, tám trăm lẻ bảy ngàn, năm trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Lê Thị H đã nộp là 750.000đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/0006562 ngày 06 tháng 01 năm 2016 và số tiền 200.000đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/0006835 ngày 26 tháng 9 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. Bà Lê Thị H còn phải nộp 857.500đ (*Tám trăm năm mươi bảy ngàn năm trăm đồng*) tiền án phí.

Vợ chồng ông Nguyễn Quốc T, bà Trương Thị D phải chịu 2.604.680đ (*Hai triệu, sáu trăm lẻ bốn ngàn, sáu trăm tám mươi đồng*) tiền án phí DSST.

Ngoài ra bản án còn tuyên về trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 02/9/2017 nguyên đơn bà Lê Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm đối với diện tích 1.286m^2 thuộc thửa số 18, tờ bản đồ 14, tọa lạc tại Thôn C, xã LB, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng.

Ngày 25/9/2017 bị đơn ông Nguyễn Quốc T kháng cáo 01 phần bản án sơ thẩm không đồng ý đền bù tài sản trên đất, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm buộc bà H tháo dỡ toàn bộ chuồng heo đã xây dựng trả lại diện tích đất cho ông.

Ngày 25/9/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm có Quyết định kháng nghị số 309/QĐKNPT-VKS-DS đối với Bản án dân sự sơ thẩm Số 39/2017/DS-ST ngày 11/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm với nội dung đề TAND tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận diện tích 1.286m^2 thuộc thửa số 18, tờ bản đồ 14, tọa lạc tại Thôn C, xã LB, huyện BL thuộc quyền sử dụng đất của bà Lê Thị H. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 015335 ngày 10/9/2014 diện tích 1.286m^2 thuộc thửa số 18, tờ bản đồ 14, tọa lạc tại Thôn C, xã LB, huyện BL do UBND huyện BL cấp mang tên Nguyễn Quốc T, Trương Thị D.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử *(sau đây gọi tắt là HĐXX)* chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo sửa bản án dân sự sơ thẩm công nhận diện tích đất 1.286m^2 thuộc thửa số 18, tờ bản đồ 14, tọa lạc tại Thôn C, xã LB, huyện BL thuộc quyền sử dụng của bà và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 015335 ngày 10/9/2014 do UBND huyện BL cấp mang tên Nguyễn Quốc T, Trương Thị D.

Bị đơn vợ chồng ông T, bà D vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông, bác toàn bộ đơn khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Đồng thời trình bày Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 015335

ngày 10/9/2014 do UBND huyện BL mang tên Nguyễn Quốc T, Trương Thị D hiện vợ chồng ông đang cất giữ, không có thế chấp vay ngân hàng hay tổ chức tín dụng nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện BL có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nội dung đơn trình bày vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại cấp sơ thẩm và không cung cấp thêm chứng cứ, tài liệu nào khác

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông T1, bà T2 vẫn giữ nguyên lời trình bày tại cấp sơ thẩm, đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện, nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà H và Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng vẫn giữ nguyên Quyết định kháng nghị số 309/QĐKNPT-VKS-DS, ngày 25/9/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm, đồng thời phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc thẩm phán và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự tại giai đoạn phúc thẩm. Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị H, chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Quốc T. Công nhận quyền sử dụng diện tích đất 1.286m^2 thuộc thửa số 18, tờ bản đồ 14, tọa lạc tại Thôn C, xã LB, huyện BL thuộc quyền sử dụng của bà Lê Thị H; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 015335 ngày 10/9/2014 do UBND huyện BL cấp mang tên Nguyễn Quốc T, Trương Thị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa,qua xem xét nội dung kháng của nguyên đơn, nội dung kháng cáo của bị đơn và nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm, Hội đồng xét xử nhận định:

Vào năm 2003 vợ chồng ông Lường Viết T1, bà Lưu Thị T2 *(sau đây gọi tắt là v/c ông T1)*có nhận sang nhượng của ông Dương Văn B một diện tích đất 5.000m^2 có tứ cận phía đông giáp đất K'T; phía tây giáp đất Hai N; phía bắc giáp đất Phan Đ; phía nam giáp đất K'G, sau khi nhận chuyển nhượng, v/c ông T1 đã sử dụng canh tác ổn định, không có tranh chấp. Ngày 05/5/2011 thì sang nhượng lại cho bà Lê Thị H, do đất chưa được cấp chứng nhận quyền sử dụng đất nên giữa bà H, v/c ông T1 và ông B thống nhất để cho ông B trực tiếp viết giấy tay sang nhượng từ ông B sang bà H, các bên đã tiến hành bàn giao đất, bà H nhận đất sử dụng ổn định cho đến nay. Giấy sang nhượng viết tay ngày 05/5/2011 có xác nhận của UBND xã LB. Ngày 10/10/2015 bà H phát hiện một phần diện tích đất nói trên đã được UBND huyện BL cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số BV 015335 ngày 10/9/2014 diện tích 1.286m^2 thuộc thửa số 18, tờ

bản đồ 14, tọa lạc tại Thôn C, xã LB, huyện BL mang tên ông Nguyễn Quốc T, bà Trương Thị D.Theo bà trình bày bà có làm đơn khiếu nại đến UBND huyện BL nhưng không giải quyết. Tại phiên tòa phúc thẩm bà yêu cầu Tòa án công nhận diện tích đất 1.286m^2 thuộc thửa số 18, tờ bản đồ 14, tọa lạc tại Thôn C, xã LB, huyện BL thuộc quyền sử dụng của bà đồng thời bà yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên. Bị đơn vợ chồng ông T, bà D *(sau đây viết tắt là v/c ông T)* cho rằng diện tích đất 1.286m^2 thuộc thửa số 18, tờ bản đồ 14, tọa lạc tại Thôn C, xã LB, huyện BL mà ông bà được cấp giấy chứng nhận QSDĐ có nguồn gốc do vợ chồng ông nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn H1 vào năm 2009 *(bl 31, 35, 36)* trong đó có phần đất sình v/c ông T1 đào ao sử dụng, sau đó v/c ông T1 bán cho bà H vào năm 2011. Năm 2014 vợ chồng ông kê khai đăng ký xin cấp QSDĐ trong đó có diện tích đất 1.286m^2 thuộc thửa số 18, tờ bản đồ 14, tọa lạc tại Thôn C, xã LB, huyện BL. Như vậy các giữa nguyên đơn và bị đơn có tranh chấp diện tích đất 1.286m^2 thuộc thửa số 18, tờ bản đồ 14, tọa lạc tại Thôn C, xã LB, huyện BL và có tranh chấp yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có lien quan đến thửa đất tranh chấp nói trên, HĐXX thấy rằng qua các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, qua lời trình bày của các bên đương sự, lời trình bày của ông Phan N là người biết rõ nguồn gốc diện tích đất tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn, lời trình bày của v/c ông T1 thì đã có đủ căn cứ để xác định diện tích đất 1.286m^2 thuộc thửa số 18, tờ bản đồ 14, tọa lạc tại Thôn C, xã LB, huyện BL hiện tại nguyên đơn bà Lê Thị H đang canh tác sử dụng không nằm trong phần diện tích đất diện tích đất cà phê 26.564m^2 và 11.901m^2 = 38.465m^2 mà vợ chồng ông T, bà D đã nhận sang nhượng lại của ông Nguyễn Văn H1 và ông Phạm Ngọc H2 vào năm 2004 *(bl 104)*. Đồng thời tại thời điểm vợ chồng ông T, bà D nhận chuyển nhượng của ông H thì phần diện tích đất sình nói trên do v/c ông T1, đào ao và canh tác sử dụng. Giữa v/c ông T1 là người đang sử dụng diện tích đất sình, ông H1 là người chuyển nhượng đất và v/c ông T là người nhận chuyển nhượng đất của ông H1 không có thỏa thuận nội dung liên quan đến diện tích đất sình đào ao mà v/c ông T1 đang canh tác sử dụng là đất của ông H1 cho v/c ông T1 mượn sử dụng như lời bị đơn v/c ông T trình bày. Thực tế sau khi bà H nhận chuyển nhượng lại của v/c ông T1 thì v/c ông T, vẫn không có ý kiến và sau đó bà H tiếp tục sử dụng, xây chuồng trại nuôi heo cho đến ngày bà H phát hiện một phần diện tích đất bà đang sử dụng đã được UBND huyện BL cấp giấy CNQSDĐ cho v/c ông T. Bản án sơ thẩm đánh giá chưa đúng tính chất của vụ án, bác đơn khởi kiện của nguyên đơn, buộc nguyên đơn giao diện tích tranh chấp nói trên cho bị đơn là không có căn cứ. Hơn nữa UBND huyện BL trình bày việc cấp Giấy chứng nhận v/c ông T, là không đủ cơ sở trả lời, lý do hồ sơ gốc cấp giấy chứng nhận không đầy đủ, như vậy có căn cứ để xác định việc cấp Giấy chứng nhận QSD diện tích đất 1.286m^2 thuộc thửa Số 18, tờ bản đồ 14, tọa lạc tại Thôn C, xã LB, huyện BL theo giấy chứng nhận QSDĐ số BV 015335 ngày 10/9/2014 mang tên Nguyễn Quốc T, Trương Thị D là chưa đảm bảo quy định. Quyết định kháng nghị số 309/QĐKNPT-VKS-DS, ngày 25/9/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện

của nguyên đơn bà H là có căn cứ. HĐXX chấp nhận toàn bộ nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị H, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Quốc T, bà Trương Thị D, sửa bản án sơ thẩm.

Về chi phí tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm các đương sự đã tạm ứng các khoản chi phí tố tụng như sau:

Nguyên đơn bà H đã tạm ứng tổng cộng số tiền là 5.319.200đ gồm chi phí thẩm định giá 3.000.000đ *(bl 67)*; chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 1.000.000đ *(bl 46);* chi phí đo đạc 1.319.200đ *(bl 55).* Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ chi phí tố tụng nói trên.

Về án phí: Bị đơn v/c ông T phải chịu tiền án dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận và tiền án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được Tòa án chấp nhận theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết Số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về "*mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*".

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị H đối với bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Quốc T, bà Trương Thị D.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Quốc T, bà Trương Thị D đối với bị đơn bà Lê Thị H.

Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 309/QĐKNPT-VKS-DS, ngày 25/9/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2017/DS-ST ngày 11/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm.

Sửa Bản án sơ thẩm số 39/2017/DS-ST ngày 11/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H đối với bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Quốc T, bà Trương Thị D về vụ án *"Tranh chấp quyền sử dụng đất và tranh chấp yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*:

- Công nhận diện tích đất 1.286m^2 thuộc thửa Số 18, tờ bản đồ 14, tọa lạc tại Thôn C, xã LB, huyện BL thuộc quyền sử dụng của bà Lê Thị H.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 015335 do UBND huyện BL cấp ngày 10/9/2014 đối với diện tích 1.286m^2 thuộc thửa số 18, tờ bản đồ 14, tọa lạc tại Thôn C, xã LB, huyện BL mang tên Nguyễn Quốc T, Trương Thị D.

- Bà Lê Thị H có nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê khai đăng ký xin cấp quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai.

2. Về chi phí tố tụng:

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Quốc T, bà Trương Thị D phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Thị H số tiền 5.319.200đ *(Năm triệu, ba trăm mười chín ngàn, hai trăm đồng)* là chi phí thẩm định giá, đo đạc.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Quốc T, bà Trương Thị D phải chịu 200.000đ tiền án phí đối với yêu cầu hủy Quyết định về việc cấp giấy chứng nhận QSDĐ và 1.607.500đ tiền án phí trên giá trị tài sản tranh chấp và 300.000đ tiền án phí phúc thẩm tổng cộng là 2.107.500đ *(Hai triệu, một trăm lẻ bảy ngàn, năm trăm đồng)*. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2015/0004886 ngày 10/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, ông T, bà D đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm và còn phải nộp 1.807.500đ *(Một triệu, tám trăm lẻ bảy ngàn, năm trăm đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Lê Thị H số tiền 1.250.000đ *(Một triệu, hai trăm, năm mươi ngàn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2013/0006562 ngày 06/01/2016; Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2013/0006835 ngày 26/9/2016; Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2015/0004876 ngày 09/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDCC;
- VKSND tỉnh LĐ;
- TAND huyện Bảo Lâm (02);
- Phòng KTNV&THA
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Hồng